TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC C** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 01/2025/HS-ST.
Ngày 01-8-2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC C, TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đinh K Lít.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Sơn.

2. Ông Tô Cấn.

Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Nhị, Thư ký Toà án nhân dân khu vực c, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực c tham gia phiên toà: Ông Tạ Ngọc Triết - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực c xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 07/2025/TLST-HS ngày 20 tháng 6 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 7 năm 2025 đối với các bị cáo:

1/ Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 09/9/2001 tại tỉnh Lâm Đồng.

Nơi cư trú: Khu phố H, xã Kim L, thành phố Hồ Chí Minh.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Th và bà Bùi Thị Ch; chưa có vợ, con;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam từ ngày 11/4/2025 đến nay. Có mặt.

2/ Phạm Văn T, sinh ngày 24/9/1995 tại tỉnh Đăk Lăk.

Nơi cư trú: Thôn 6, xã Q, tỉnh Đăk Lăk.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Minh Ph và bà Võ Thị H; vợ (đã ly hôn), có 01 con, sinh năm 2022.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam từ ngày 11/4/2025 đến nay. Có mặt.

Bị hại: 1/ Ông Đinh Xuân D, sinh năm 1982.

Nơi cư trú: Tổ dân phố L, xã Sơn H, tỉnh Quảng Ngãi. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2/ Bà Huỳnh Nguyễn Thuỳ L, sinh năm 2002.

Nơi cư trú: Tổ dân phố C, xã Sơn H, tỉnh Quảng Ngãi. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3/ Bà Bùi Thị Tuyết M, sinh năm 1961.

Nơi cư trú: Tổ dân phố H, xã Sơn H, tỉnh Quảng Ngãi. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án

1/ NLQ1, sinh năm 1992.

Nơi cư trú: Thôn Th, xã Thọ Ph, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

2/ NLQ2, sinh năm 1975.

Nơi cư trú: Tổ dân phố H, xã Sơn H, tỉnh Quảng Ngãi. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3/ NLQ3, sinh năm 1980.

Nơi cư trú: Tổ dân H, xã Sơn H, tỉnh Quảng Ngãi. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn Đ và Phạm Văn quen biết nhau qua mạng xã hội facbook. Vào khoảng đầu tháng 3 năm 2025, T đang làm thuê tại xã H, huyện M (cũ), tỉnh Gia Lai thì Đ nhắn tin cho T hỏi tìm việc làm; T rủ Đ đến tỉnh Gia Lai hái tiêu và bốc củi thuê khoảng gần 01 tháng thì hết việc làm.

Trước đây, T đã từng đến xã Sơn H sinh sống và làm thuê nên biết ở xã Sơn H dễ tìm việc làm. Khoảng cuối tháng 3 năm 2025, T rủ Đ cùng đến xã Sơn H tìm việc làm nhưng chưa tìm được, do đó để có tiền tiêu xài Đ và T nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác, cụ thể như sau:

Lần thứ 1**:** Ngày 04/4/2025, Đ và T đi lang thang trên địa bàn xã Sơn H sau đó đến Nhà văn hoá xã Sơn H ngủ. Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày Đ rủ T đi tìm tài sản để trộm cắp, cả hai đi đến phía sau Nhà văn hoá xã Sơn H thì phát hiện nhà ông Đinh Xuân D ở tổ dân phố L, xã Sơn H cửa sổ không đóng, Đ và T trèo qua cửa sổ vào bên trong, T lên tầng lầu lấy trộm 01 máy tính bảng, nhãn hiệu SAMSUNG để trên bàn tại phòng sinh hoạt chung; Đ ở tầng dưới lục tìm trong túi quần áo lấy trộm số tiền

850.000 đồng, sau khi trộm được tài sản của ông D, Đ và T quay lại Nhà văn hoá ngủ. Đến sáng ngày 05/4/2025 Đ và T đi xe buýt từ xã Sơn H đến tại khu vực bùng binh Sơn T thuộc phường Trương Q, tỉnh Quảng Ngãi bán máy tính bảng cho tiệm điện thoại di động Tuấn M do NLQ1 làm chủ với số tiền 800.000 đồng, có tiền Đ và T chia nhau tiêu xài cá nhân.

Lần thứ 2**:** Cũng với phương thức thủ đoạn trên, vào khoảng 23 giờ 30 phút ngày 09/4/2025 Đ và T đi tìm tài sản để trộm cắp thì phát hiện nhà bán đồ ăn vặt do bà Huỳnh Nguyễn Thuỳ L ở tổ dân phố C, xã Sơn H làm chủ đã tắt điện; Đ mở cửa cổng đi vào bên trong quán lục tìm tài sản phát hiện trong ngăn kéo quày chế biến và để hàng hoá buôn bán có tiền, Đ lấy toàn bộ số tiền này, sau đó ra ngoài đưa số tiền lẻ cho T, rồi Đ và T đến Nhà văn hoá ngủ. Đến sáng ngày 10/4/2025, Đ lấy số tiền trộm cắp được của bà L ra đếm thì được 2.100.000 đồng, số tiền đưa cho T trước đó là 134.000 đồng (trong đó có tiền cá nhân của Đ là 50.000 đồng, tiền trộm cắp của bà L 84.000 đồng); có tiền Đ đến tiệm điện thoại Phúc V do NLQ2 ở tổ dân phố H, xã Sơn H làm chủ trả cho NLQ2 1.750.000 đồng để nhận lại điện thoại của Đ cầm cố trước đó, sau đó Đ và T đón xe buýt để đi đến thành phố Q (cũ) thì bị Công an thị trấn D (cũ) phát hiện mời về làm việc.

Qua đấu tranh Đ và T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Ngoài 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp nêu trên thì Đ và T khai nhận ngày 03/4/2025 Đ và T còn trộm cắp 01 điện thoại di động hiệu VIVO của bà Bùi Thị Tuyết M trú tại tổ dân phố H, xã Sơn H, sau đó mang đến cầm cố cho tiệm điện thoại củ NLQ3 được số tiền 550.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 02/KL-HĐĐGTS, ngày 17/4/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Sơn H (cũ) kết luận:

- 01 điện thoại di động VIVO, màu xanh đen; số IME1: 860749059599838; số IME2: 860749059599820, giá trị: 750.000 đồng.

- 01 máy tính bảng, hiệu SAMSUNG, màu đen, giá trị 1.500.000 đồng.

Bản Cáo trạng số: 08/CT-VKS-SH, ngày 20/6/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn H (nay Viện kiểm sát nhân dân khu vực c - Quảng Ngãi) truy tố: Bị cáo Nguyễn Văn Đ, Phạm Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Đối với NLQ3 đã nhận cầm cố chiếc điện thoại di động VIVO và NLQ1 nhận mua máy tính bảng, nhãn hiệu SAMSUNG của bị cáo Đ và T, nhưng NLQ3 và NLQ1 không biết tài sản là do trộm cắp mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ngãi không xem xét xử lý đối với NLQ3 và NLQ1 là có căn cứ.

Đối với NLQ2 đã nhận số tiền 1.750.000 đồng của bị cáo Đ do trộm cắp của bà L để chuộc lại điện thoại của bị cáo cầm cố trước đó, nhưng NLQ2 không biết số tiền 1.750.000 đồng là do Đ trộm cắp mà có nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ngãi không xem xét, xử lý đối với NLQ2 là có căn cứ.

Về xử lý vật chứng:

- Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ngãi đã trả lại, gồm:

+ 01 điện thoại di động VIVO, màu xanh đen; số IME1: 860749059599838; số IME2: 860749059599820 cho bà Bùi Thị Tuyết M;

+ 01 máy tính bảng, hiệu SAMSUNG, màu đen cho ông Đinh Xuân D;

+ Số tiền 2.127.000 đồng cho bà Huỳnh Nguyễn Thuỳ L;

+ 01 điện thoại di động Iphone 8 Plus, số IMEI: 354835096246633 cho bị cáo Nguyễn Văn Đông vì không liên quan đến vụ án;

- Đối với 01 USB có chứa dữ liệu điện tử trích xuất từ camera ghi lại hình ảnh bị cáo Đông và Tú trộm cắp tài sản của bà Linh vào đêm 09/4/2025 Cơ quan Cảnh sát điều tra chuyển kèm theo hồ sơ vụ án.

Về phần dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không yêu cầu bồi thường nên không đề nghị xem xét.

Các bị cáo không ý kiến tranh luận gì.

Lời nói sau cùng của các bị cáo là xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Ngay sau khi có tin tố giác tội phạm của công dân, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ngãi, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực c - Quảng Ngãi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền điều tra, thời hạn điều tra để điều tra, hỏi cung bị can, lấy lời khai bị hại..., thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký ghi biên bản phiên tòa cũng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tại phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến

hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Để có tiền tiêu xài cá nhân, từ ngày 03/4/2025 đến ngày 09/4/2025 bị cáo Nguyễn Văn Đ và Phạm Văn T đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bà Bùi Thị Tuyết M 01 điện thoại di động hiệu VIVO có trị giá 750.000 đồng, của ông Đinh Xuân D 01 máy tính bảng, nhãn hiệu SAMSUNG có trị giá 1.500.000 đồng và tiền mặt 850.000 đồng, của bà Huỳnh Nguyễn Thuỳ L số tiền 2.127.000 đồng, tổng tài sản trộm cắp có trị giá 5.227.000 đồng, trong đó có 02 lần đủ định lượng truy cứu trách nhiệm hình sự với tổng số tiền là 4.534.000 đồng. Như vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy, các bị cáo Nguyễn Văn Đ và Phạm Văn T đều là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn thực hiện. Với những hành vi phạm tội của các bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3] Nay, Viện kiểm sát nhân dân khu vực c truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Đ và Phạm Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Những lời nhận tội của các bị cáo là phù hợp với những tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và được thẩm tra tại phiên toà. Vì vậy, Hội đồng xét xử kết luận các bị cáo Nguyễn Văn Đ và Phạm Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự xã hội tại địa phương nên cần phải xử lý nghiêm.

[5] Hội đồng xét xử thấy vụ án có đồng phạm nhưng đồng phạm giản đơn.

[6] Xét tính chất, mức độ phạm tội và vai trò của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ, bị cáo là người khởi xướng, rủ rê bị cáo Phạm Văn T đi trộm cắp tài sản và cũng là người thực hiện tội phạm.

Bị cáo không có tiền án, tiền sự, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có một có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Với hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của bị cáo, cần thiết phải bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù một thời gian để răn đe, giáo dục.

- Đối với bị cáo Phạm Văn T, bị cáo cũng là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo không có tiền án, tiền sự, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có một có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên quy

định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Với hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của bị cáo, cần thiết phải bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù một thời gian để răn đe, giáo dục.

[7] Theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Xét các bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với các bị cáo là phù hợp.

[8] Đối với NLQ3 đã nhận cầm cố chiếc điện thoại di động VIVO và NLQ1 mua máy tính bảng, nhãn hiệu SAMSUNG của bị cáo Đ và T, nhưng NLQ3 và NLQ1 không biết tài sản là do trộm cắp mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xem xét xử lý đối với NLQ3 và NLQ1 là có căn cứ.

[9] Đối với NLQ2 đã nhận số tiền 1.750.000 đồng của bị cáo Đ do trộm cắp của bà L để chuộc lại điện thoại của bị cáo cầm cố trước đó, nhưng NLQ2 không biết số tiền 1.750.000 đồng là do bị cáo Đ trộm cắp mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xem xét, xử lý đối với NLQ2 là có căn cứ.

[10] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu nhận là phù hợp.

Đối với 01 USB có chứa dữ liệu điện tử trích xuất từ camera ghi lại hình ảnh bị cáo Đ và T trộm cắp tài sản của bà L vào đêm 09/4/2025 Cơ quan Cảnh sát Điều tra chuyển kèm theo hồ sơ vụ án là có căn cứ, Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Về phần dân sự: Các bị hại đã nhận lại một phần tài sản; các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn Đ, Phạm Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 136; Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ và Phạm Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản" và xử phạt các bị cáo như sau:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 12 *(mười hai)* tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/4/2025.

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 09 *(chín)* tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/4/2025.

Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ và Phạm Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Phân trại tạm giam khu vực Sơn H;
- CQĐT- Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- CQTHAHS - Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND khu vực c;
- Phòng THADS khu vực c;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi ;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án + Án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Đinh K Lít

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Sơn **Tô Cấn** **Đinh K Lít**